**NS: Bài 7**

**ND: TRÍ TUỆ DÂN GIAN**

 **(Tục ngữ)**

 Thời gian thực hiện: 12 tiết (86-97)

**I. MỤC TIÊU**

 **1. Năng lực**

- Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ, vần.

 - Nhận biết được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.

 - Nhận biết được đặc điểm và chức năng của thành ngữ và tục ngữ; đặc điểm và tác dụng của các biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh.

 - Biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.

 - Biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt. Biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

**2. Phẩm chất**

 - Biết trân trọng kho tàng tri thức của cha ông.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

 **1. Thiết bị dạy học:**

 - Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, bút lông, giấy A3.

 - Các video có trong kho học liệu trên kênh Youtube để hướng dẫn nhiệm vụ học tập; kiểm tra, đánh giá việc thực hiện của học sinh trước khi đến lớp.

 **2. Học liệu:** Sách Ngữ văn 7 *Chân trời sáng tạo*, Sách GV Ngữ văn 7 *Chân trời sáng tạo*, Tinh tuyển Văn học Việt Nam tập 1 (NXB Khoa học Xã hội).

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. DẠY ĐỌC HIỂU**

**Văn bản 1: NHỮNG KINH NGHIỆM DÂN GIAN VỀ THỜI TIẾT**

**(Tiết: 86-87)**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  | **Sản phẩm dự kiến** |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Đuổi hình bắt chữ”.- GV phổ biến luật chơi: *GV chiếu các hình ảnh có liên quan đến các câu tục ngữ cho HS vận dụng hiểu biết của mình để đoán câu tục ngữ được nhắc đến trong hình. HS quan sát và giơ tay trả lời. HS nào trả lời đúng và nhanh nhất sẽ được tuyên dương.*- GV chiếu các hình ảnh để HS đoán câu tục ngữ:\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- HS quan sát hình ảnh, đoán câu tục ngữ.\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV gọi HS xung phong trả lời câu hỏi trước lớp.   \* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV nhận xét, khen ngợi những chia sẻ hay và thú vị của HS.- Từ chia sẻ của HS, GV tổng kết lại ý kiến và gợi dẫn: *Tục ngữ là một kho tàng những câu nói dân gian phong phú và đa dạng. Người ta vẫn thường sử dụng tục ngữ để thể hiện kinh nghiệm về một vấn đề nào đó của đời sống đã được đúc kết, mang tính chính xác cao. Vốn dĩ tục ngữ là những câu nói ngắn gọn, có kết cấu ổn định và dễ thuộc, dễ nhớ, nên không chỉ sử dụng trong văn học, mà tục ngữ còn dùng trong tình huống giao tiếp thường ngày. Trong chủ đề ngày mới ngày hôm nay –****Trí tuệ dân gian****, chúng ta sẽ cùng đi khám phá thêm thật nhiều những câu tục ngữ dân gian để nâng cao hiểu biết và tri thức văn học của mình nhé.* | + Hình 1: *Há miệng chờ sung*+ Hình 2: *Chị ngã em nâng*+ Hình 3: *Mẹ tròn con vuông*+ Hình 4: *Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ*+ Hình 5: *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*+ Hình 6: *Đi guốc trong bụng*+ Hình 7: *Lá lành đùm lá rách* |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  | **Sản phẩm dự kiến** |
|  **I. Tìm hiểu chung** |
| **Tìm hiểu tục ngữ là gì?****\* GV chuyển giao nhiệm vụ**- Giáo viên yêu cầu: Đọc phần chú thích và cho biết: *Tục ngữ là gì ? Với đặc điểm như vậy, tục ngữ có tác dụng gì?*- Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe rõ yêu cầu và thực hiện**\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- Học sinh: Làm việc cá nhân -> Thảo luận nhóm -> thống nhất ý kiến.- Giáo viên: Quan sát, động viên, hỗ trợ học sinh khi cần thiết.- Dự kiến sản phẩm: - Tục: Là thói quen lâu đời- Ngữ: Lời nói=> là lời nói đúc kết thói quen lâu đời được mọi người công nhận- Làm cho lời ăn tiếng nói thêm hay, sinh động**\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**- Học sinh trình bày miệng ý kiến của mình- Học sinh khác bổ sung.**\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**- Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung.- Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức - GV bổ sung, nhấn mạnh: + Về hình thức: tục ngữ là một câu nói diễn đạt một ý trọn vẹn có đặc điểm ngắn gọn, kết cấu bền vững có hình ảnh, nhịp điệu+ Về nội dung: diễn đạt kinh nghiệm, cách nhìn nhận của nhân dân về tự nhiên, lđ, sx, con người, xã hộiNhững bài học kinh nghiệm về quy luật thiên nhiên và lao động sản xuất là nội dung quan trọng của tục ngữ.Vì thế tục ngữ còn được gọi là túi khôn của nhân dân- Có nhiều câu tục ngữ chỉ có nghĩa đen, một số câu có cả nghĩa bóng | **Tục ngữ là gì?**- Tục ngữ là những câu nói dân gian ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh, đúc kết những bài học của nhân dân về:+ Quy luật của thiên nhiên.+ Kinh nghiệm lao động sản xuất.+ Kinh nghiệm về con người và xã hội. |
|  **II. Tìm hiểu chi tiết** |
| **NV 1: Đọc và tìm hiểu từ khó.****\* GV chuyển giao nhiệm vụ**- Gv hướng dẫn HS đọc lại các đặc điểm của tục ngữ trong mục *Tri thức Ngữ văn*, sau đó, xác định độ dài, nhịp điệu, vần, hình ảnh và chủ đề của các câu tục ngữ đó.+ Giọng điệu chậm rãi, rõ ràng, chú ý các vần lưng, ngắt nhịp ở vế đối trong câu hoặc phép đối giữa 2 câu. - HS tiếp nhận nhiệm vụ.**\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV theo dõi, quan sát HS.- HS theo dõi, đọc văn bản, giải thích từ khó -> lắng nghe -> hiểu nghĩa từ, nêu chủ đề của các câu tục ngữ.- Dự kiến sản phẩm: Các câu tục ngữ trong văn bản này đều nói về chủ đề về thời tiết.**\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**- Gv đọc mẫu.- HS chú ý đọc tiếp và nhận xét .**\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét cách đọc của HS.- GV nhận xét câu trả lời và chốt ý. **NV 2:** **Tìm hiểu chi tiết văn bản.****\* GV chuyển giao nhiệm vụ**- Giáo viên yêu cầu: *Các câu tục ngữ về thời tiết đúc kết những kinh nghiệm gì?**GV vấn đáp làm mẫu câu 1, câu2 điền vào phiếu học tập. Các câu còn lại Hs thảo luận trình bày.**- gv vấn đáp: về hình thức câu số 5 có gì khác biệt so với các câu còn lại?* -Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe yêu cầu và thực hiện thảo luận nhóm theo tổ, mỗi tổ 1phiếu và 1 câu theo chỉ định của GV sau đó lên dán bảng.Phiếu học tập số 1:* Dự kiến

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu  | Số chữ | Số dòng, số vế | Vần | Nội dung chính |
| 1 | 8 | 1. 2
 | Trưa - mưa | ND |
| 3 |  |  |  |  |
| 4 | 13 | 1-3 | Đài - hai | ND |
| 5 |  |  |  |  |
| 6 | 14 | 2-2 | Năm – nằmSáng - tháng |  |

**\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- Học sinh: 🡪thảo luận nhóm->thống nhất ý kiến vào phiếu HT- Câu 5 hình thức giống câu thơ lục bát.- Giáo viên: Quan sát ,hỗ trợ học sinh nếu cần.và giải thích lại kiến thức về thơ lục bát.**\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**- Giáo viên gọi đại diện nhóm lên trình bày bằng phiếu học tập.- Học sinh các nhóm khác bổ sung.**\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**- Học sinh nhận xét, đánh giá- Giáo viên nhận xét đánh giá Giáo viên chốt kiến thức ghi bảngGV chốt, chuyển: Sáu câu tục ngữ trên đều có điểm chung là đúc kết những kinh nghiệm về thời gian, thời tiết, bão lụt cho thấy phần nào cuộc sống vất vả, thiên nhiên khắc nghiệt của đất nước ta.- Các câu tục ngữ trên đây có thể giúp cho con người trong cuộc sống về dự báo về tình hình thời tiết trong mỗi thời kỳ khác nhau, giúp giải thích các hiện tượng đang xảy ra một cách chi tiết, cụ thể nhất. | **1. Đọc, và tìm hiểu chú thích.**Các câu tục ngữ cùng nói về các hiện tượng thời tiết theo kinh nghiệm của dân gian.**2. Tìm hiểu chi tiết văn bản.**Câu 1: - Nắng chóng trưa, mưa chóng tối:vì thời tiết nóng nực nên ngày nắng thì cảm thấy buổi trưa đến sớm, ngày mưa thì trời âm u nên tối sớmCâu 2:Trăng quầng thì hạn, trăng tán thì mưa Có nghĩa là: Nếu quanh mặt trăng chỉ có một quầng sáng thì trời còn nắng, nếu có vùng sáng mờ toả ra như cái tán là trời sắp mưa.Câu 3: Gió heo may, chuồn chuồn bay thì bão có nghĩa là:  Khi trời nối gió heo may và chuồn chuồn bay ra nhiều thì sắp có bão.Câu 4:Tháng giêng rét đài, tháng hai rét lộc, tháng ba rét nàng bân. Có nghĩa là: (rét đài: rét khá đậm làm hoa rụng cánh chỉ còn trơ lại đài; rét lộc: ẩm ướt, thuận lợi cho sự hồi sinh của cây cỏ sau những ngày đông tháng giá; rét nàng bân: rét ngắn ngày, với câu chuyện nàng Bân may áo rét cho chồng. Kinh nghiệm về thời tiết của nhân dân ta.Câu 5: Nếu chuồn chuồn bay thấp tức trời sẽ mưa. Khi nó bay cao trời sẽ nắng và bay vừa trời sẽ râm. Điều này là phụ thuộc vào áp suất không khí.Câu 6: Nội dung: nhấn mạnh (Đêm tháng năm rất ngắn và ngày tháng mười cũng rất ngắn.) Ý nói: Mùa hè đêm ngắn, ngày dài; mùa đông đêm dài, ngày ngắn |
|  **III. Tổng kết** |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ - Nhận xét về những đặc sắc nghệ thuật của các câu tục ngữ về thời tiết?- Nội dung chủ yếu của các câu tục ngữ về thời tiết?\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập:- Nhận xét khái quát về nội dung và nghệ thuật.\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- HS trình bày trước lớp.\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- HS các nhóm nhận xét.- GV nhận xét, đánh giá phần trình bày của HS. | **1. Nghệ thuật** Sử dụng cách diễn đạt ngắn gọn, cô đọng; sử dụng kết cấu diễn đạt theo kiểu đối xứng, nhân quả; tạo vần, nhịp cho câu văn dễ nhớ, dễ vận dụng.**2. Nội dung***:* Các câu tục ngữ về thời tiết là những bài học quý giá của nhân dân ta. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  | **Sản phẩm dự kiến** |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ- Em hãy hình dung một tình huống giao tiếp có thể sử dụng một trong các câu tục ngữ trên. Sau đó, viết một đoạn đối thoại hoặc một đoạn văn về tình huống này với độ dài khoảng 5, 6 câu. HS tiếp nhận nhiệm vụ.\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- GV theo dõi, quan sát HS.- HS làm và đọc trước lớp\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- HS đọc và nhận xét .\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- HS các nhóm nhận xét với nhau.- GV nhận xét, đưa ra đáp án đúng, khen ngợi nhóm hoàn thành tốt. | - Dự kiến sản phẩm: 1. Trên đường tới trường, Lan gặp Nam và đã than thở rằng:
2. - Sao dạo này tớ thấy tớ ngủ được ít lắm, mới nằm chút mà trời đã sáng tinh mơ rồi.
3. - Cậu biết tại sao không, Lan?
4. - Tại sao vậy?
5. - Thế cậu nói cho tớ biết bây giờ là tháng mấy?
6. - Tháng 5, nhưng mà sao?
 |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  | **Sản phẩm dự kiến** |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ- GV nêu yêu cầu: *Em hãy đặt câu có sử dụng một trong những câu tục ngữ vừa học?*- HS lắng nghe tiếp nhận yêu cầu\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- HS suy nghĩ đặt câu - GV lắng nghe\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV gọi HS trình bày- Các em khác nhận xét bổ sung- GV nhận xét\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- HS các nhóm nhận xét với nhau.- GV nhận xét, đưa ra đáp án đúng, khen ngợi nhóm hoàn thành tốt. | *\* Dự kiến sp:* *Mai đi học con phải mang áo mưa vì mau sao thì nắng vắng sao thì mưa* |

**\* Hướng dẫn tự học:**

***- Bài vừa học:***

+ Nắm được thế nào là tục ngữ.

+ Nội dung, nghệ thuật của các câu tục ngữ.

***- Bài sắp học:*** Văn bản 2 NHỮNG KINH NGHIỆM DÂN GIAN VỀ LAO ĐỘNG SẢN XUẤT

+ Thông điệp, chủ đề mà văn bản muốn gửi đến.

+ Tìm hiểu nội dung, nghệ thuật của văn bản.

**Văn bản 2: NHỮNG KINH NGHIỆM DÂN GIAN VỀ LAO ĐỘNG SẢN XUẤT**

**(Tiết: 88-89)**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  | **Sản phẩm dự kiến** |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ- GV đặt câu vấn đáp: Thiên nhiên tác động như thế nào đến cuộc sống của chúng ta?- HS tiếp nhận nhiệm vụ.\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- HS theo dõi và trả lời câu hỏi.- GV theo dõi, quan sát HS.\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- Gv tổ chức hoạt động.- HS trình bày, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV nhận xét câu trả lời; chốt kiến thức, chuyển dẫn vào chủ đề bài học. Các em thấy đấy thiên nhiên có vai trò rất quan trọng trong sản xuất . Vì vậy ông cha đã đúc kết nhiều kinh nghiệm trong các câu tục ngữ về lao động sản xuất. Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu văn bản 2 của bài 7 để xem ông cha truyền đạt lại kinh nghiệm gì qua các câu tục ngữ đó nhé. |  |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  | **Sản phẩm dự kiến** |
|  **I. Tìm hiểu chung** |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ- Gv hướng dẫn HS đọc văn bản và đọc phần chú thích. Trong quá trình đọc, khi gặp câu hỏi được đóng khung, GV nhắc HS tạm dừng vài phút để suy nghĩ, tự trả lời rồi tiếp tục tiến trình đọc.+ Giọng điệu chậm rãi, rõ ràng, chú ý các vần lưng, ngắt nhịp ở vế đối trong câu hoặc phép đối giữa 2 câu. - HS tiếp nhận nhiệm vụ.\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- GV theo dõi, quan sát HS.- HS theo dõi, đọc văn bản, giải thích từ khó -> lắng nghe -> hiểu nghĩa từ.\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- Gv đọc mẫu.- HS chú ý đọc tiếp và nhận xét cách đọc.- Vài Hs nêu ý nghĩa các rừ khó.\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV nhận xét cách đọc của HS.- GV nhận xét câu trả lời và chốt ý.=> Cả 6 câu tục ngữ trên đều nói về đề tài lao động sản xuất nhưng mỗi câu lại có 1 nội dung khác nhau cụ thể như thể nào chúng ta sang mục tìm hiểu chi tiết VB. | 1. Đọc văn bản:2. Chú thích |
|  **II. Tìm hiểu chi tiết** |
| **NV1: Đặc điểm của các câu tục ngữ.**\* GV chuyển giao nhiệm vụ- GV yêu cầu HS thảo luận theo tổ các câu hỏi 1,2,3,4 sgk. Tổ 1- câu 1. Tổ 2 câu 2. Tổ 3- câu 3. Tổ 4- câu 4. **Câu hỏi 1:** Chỉ ra các đặc điểm của tục ngữ được thể hiện trong những câu trên.**Câu hỏi 2:**Xác định số chữ, số dòng, số vế của các câu tục ngữ từ số 1 đến số 5.**Câu hỏi 3:**Tìm các cặp vần và nhận xét về tác dụng của vần trong các câu tục ngữ từ số 2 đến số 6.**Câu hỏi 4:** Về hình thức, hai câu tục ngữ số 1 và số 6 có gì khác biệt so với các câu 2,3,4,5?\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- HS thảo luận theo tổ, dựa vào gợi ý của GV để trả lời câu hỏi vào phiếu học tập.\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV mời đại diện tổ trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức **NV2: Nội dung của các câu tục ngữ**\* GV chuyển giao nhiệm vụ- GV cho HS thảo luận từng cặp để tìm ra nội dung của từng câu tục ngữ trên.- Đến câu số 5, số 6 GV gắn hỏi câu hỏi 5,6,trong sgk vào để giải quyết luôn.Câu 1 nói về điều gì?Câu 2 nói về điều gì?Câu 3 nói về điều gì?Câu 4 nói về điều gì?Câu 5 nói về điều gì?Tác giả dân gian muốn gửi gắm thô̂ng điệp gì qua câu tục ngữ này?Dự kiến : ông cha ta muốn gửi gắm thông điệp rằng nên biết chọn thời gian phù hợp để canh tác.Câu 6 nói về điều gì? Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong câu tục ngữ số 6 và nêu tác dụng của việc sử dụng biện pháp đó.\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- Học sinh: Suy nghĩ làm việc -Giáo viên: Lắng nghe, nhận xét câu trả lời của học sinh\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV mời đại diện cặp đôi trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức==>Sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa (lúa chiêm - nép - nghe - phất cờ) có tác dụng làm cho câu tục ngữ  thể hiện được cách nhìn của người xưa trước hiện tượng tự nhiên đầy sinh động.Các câu tục ngữ trên cùng nói về nội dung gì? Nêu ý nghĩa của các câu tục ngữ ấy đối với lao động sản xuất.Gợi ý:Ông cha ta đã dựa trên kinh nghiệm quan sát và giải thích hiện tượng tự nhiên để đúc kết nên câu ca dao này, thể hiện cách nhìn của người xưa trước các hiện tượng tự nhiên. Qua đó, khẳng định tình yêu thiên nhiên, yêu lao động sản xuất, khát vọng chinh phục thiên nhiên của con người. | 1. **Đặc điểm của các câu tục ngữ.**
* Chủ đề của các câu tục ngữ:

Các câu tục ngữ đều nói về những đúc rút từ thực tế của dân gian trong lao động sản xuất nhằm tăng thêm độ tin cậy, sức thuyết phục về một kinh nghiệm.* Xác định số chữ, số dòng, số vế của các

 câu tục ngữ từ số 1 đến số 5.Gợi ý:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Câu | Số chữ | Số dòng | Số vế |
| 1 |  4  | 1 | 1 |
| 2 | 8 | 1 | 2 |
| 3 | 8 | 1 | 2 |
| 4 | 6 | 1 | 2 |
| 5 | 8 | 1 | 2 |

* Các cặp vần và nhận xét về tác dụng

 của vần trong các câu tục ngữ từ số 2 đến số 6.- Câu tục ngữ 2: vần lưng (lụa - lúa)- Câu tục ngữ 3: vần cách (lâu - sâu)- Câu tục ngữ 4: vần lưng (lạ - mạ)- Câu tục ngữ 5: vần lưng (Tư - hư)- Câu tục ngữ 6: vần cách (bờ - cờ)=> Tác dụng: làm cho các câu tục ngữ có nhịp điệu, có hình ảnh* Hai câu tục ngữ số 1 và số 6 có sự khác

biệt so với các câu 2,3,4,5?Về hình thức, hai câu tục ngữ số 1 và số 6 khác biệt so với các câu 2,3,4,5 ở điểm:- Câu tục ngữ số 1: 1 vế.- Câu tục ngữ số 6: 3 vế.**2. Nội dung của các câu tục ngữ** **Câu 1:** Với nghệ thuật so sánh ngang bằng câu tục ngữ khẳng định vai trò quan trọng của đất đai.**Câu 2:**Con người đẹp nhờ khoác trên mình bộ quần áo mắc tiền, sang trọng, lúa tốt là vì được chăm bón phân.**Câu 3:**  Nhai kỹ no lâu, cày sâu tốt lúa có nghĩa là: Cày sâu thì lúa tốt, vì đất có tơi xốp lúa mới dễ hút màu; ví như cơm nhai kỹ thì ruột hấp thụ được nhiều.**Câu 4:** (Ruộng lạ: ruộng trồng đổi vụ, vụ này trồng lúa thì vụ sau trồng khoai và ngược lại; Ruộng quen: ruộng không đổi vụ, quanh năm chỉ để gieo mạ): Một kinh nghiệm trồng trọt, khoai trồng ruộng lạ mới tốt, nhưng mạ thì phải gieo ở ruộng quen mới tốt.**Câu 5**:Kinh nghiệm trong trồng trọt được ông cha ta đúc kết lại qua câu tục ngữ: thường thì đến tháng ba âm lịch hoa màu rất cần nước nên cơn mưa lúc này rất có ích cho hoa màu nhưng đến tháng tư lúc ấy cây trồng đang trong quá trình phát triển, ít cần nước nên những cơn mưa lớn tháng tư sẽ làm hư đất, hư cây trồng.  **Câu 6:**Trồng lúa vào vụ chiêm  (vụ lúa trong mùa hè thường khô hạn và thiếu nước) nên cây lúa chỉ đật tầm ngang bờ ruộng thôi. Hễ nghe sấm động (có sấm động dẫn đến mưa dông) cây lúa sẽ trổ bông và cho mùa màng bội thu. |
|  **III. Tổng kết** |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ- GV yêu cầu: *Khái quát những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các câu tục ngữ?*- Học sinh lắng nghe yêu cầu\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- Học sinh: Suy nghĩ làm việc cá nhân- Giáo viên: Lắng nghe, nhận xét câu trả lời của học sinh\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- HS trình bày, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- HS các nhóm nhận xét.- GV nhận xét, đánh giá phần trình bày của HS. | **1. Nghệ thuật:** Sử dụng cách diễn đạt ngắn gọn, cô đúc; sử dụng kết cấu diễn đạt theo kiểu đối xứng, nhân quả; tạo vần, nhịp cho câu văn dễ nhớ, dễ vận dụng.**2. Nội dung***:* Các câu tục ngữ về lao động sản xuất là những bài học quý giá của nhân dân ta. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  | **Sản phẩm dự kiến** |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ*- Em hãy tìm thêm những câu tục ngữ về thiên nhiên mà em biết hoặc sưu tầm?*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- GV theo dõi, quan sát HS.- HS làm và đọc trước lớp\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- HS đọc và nhận xét .\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV nhận xét, đưa ra đáp án đúng, khen ngợi nhóm hoàn thành tốt. | **\*Sản phẩm dự kiến***Chuồn chuồn bay thấp .....thì râm.**Cầu vồng cụt không lụt thì mưa.**Trời đang nắng cỏ gà trắng thì mưa**Qụa tắm thì ráo, sáo tắm thì mưa....**Chớp đông nhay nháy gà gáy thì mưa* |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  | **Sản phẩm dự kiến** |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ-GV nêu yêu cầu: *Em hãy đặt câu có sử dụng một trong những câu tục ngữ vừa học?*- HS lắng nghe tiếp nhận yêu cầu\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- HS suy nghĩ đặt câu - GV lắng nghe\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV gọi HS trình bày- Các cặp khác nhận xét bổ sung- GV nhận xét \* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV nhận xét câu trả lời; chốt kiến thức và cho điểm. | **\* Dự kiến sp:** *Năm nay tháng 3 mưa nhiều hoa màu tươi tốt được mùa**Đúng là mưa tháng 3 hoa đất mưa tháng tư hư đất.* |

**\* Hướng dẫn tự học:**

***- Bài vừa học:***

+ Nắm được các đặc điểm của tục ngữ

+ Nội dung và thông điệp của các câu tục ngữ.

***- Bài sắp học:*** Đọc kết nối chủ điểm: **TỤC NGỮ VÀ SÁNG TÁC VĂN CHƯƠNG**

+ Đọc để hiểu được nội dung văn bản.

+ Sau khi đọc xong văn bản em rút ra được những lưu ý gì khi đọc hiểu và sử dụng tục ngữ?

**Đọc kết nối chủ điểm:**

**TỤC NGỮ VÀ SÁNG TÁC VĂN CHƯƠNG**

 **(Tiết: 90)**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  | **Sản phẩm dự kiến** |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụGV tổ chức trò chơi AI NHANH HƠN. Đội nào trả lời đúng và nhiều câu nhất sẽ là đội chiến thắng.Câu 1:……….là những câu nói dân gian ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh, đúc kết những bài học, kinh nghiệm của nhân dân từ xưa đến nay?Câu 2:Tháng Giêng rét đài, tháng Hai rét lộc, tháng Ba rét….?Câu 3: Câu tục ngữ “Tấc đất, tất vàng” là những kinh nghiệm dân gian về……?Câu 4:Tìm câu tục ngữ trái nghĩa với câu tục ngữ “ Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”.?- HS tiếp nhận nhiệm vụ.\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- HS lắng nghe, quan sát\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV tổ chức hoạt động- HS tham gia trò chơi\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài. | - Gợi ý+ Tục ngữ+ Nàng Bân+ Lao động sản xuất+ Ăn cháo đá bát |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  | **Sản phẩm dự kiến** |
|  **I. Tìm hiểu chung** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh đọc, tìm hiểu chú thích.** \* GV chuyển giao nhiệm vụ+ GV hướng dẫn cách đọc( yêu cầu học sinh đọc trước khi đến lớp)+ GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó học sinh thay nhau đọc thành tiếng toàn văn bản.+ GV tổ chức cuộc thi ô chữ bí mật. HS sẽ lần lượt chọn các ô chữ, mỗi ô là một từ khóa là những chú thích. Chọn đúng từ khóa nào thì học sinh sẽ giải thích nghĩa của từ khóa đó.- HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ.\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- HS làm việc cá nhân, tham gia trò chơi.- GV quan sát\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- HS trình bày sản phẩm- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Đọc** - HS biết cách đọc thầm, biết cách đọc to, trôi chảy, phù hợp với tốc độ đọc.**2. Chú thích** - Mạ- Lúa chiêm- Điêng điểng- Sân chim- Gie |
|  **II. Tìm hiểu chi tiết** |
| **NV1: Tìm hiểu mối quan hệ giữa tục ngữ và sáng tác văn chương**\* GV chuyển giao nhiệm vụ-GV chuyển giao nhiệm vụ\* Sau khi đọc truyện Nàng Bân, em hiểu thế nào về cái rét nàng Bân được nhắc đến trong câu tục ngữ Tháng Giêng rét đài, tháng Hai rét lộc, tháng Ba rét nàng Bân?\* Câu trả lời của tía nuôi nhân vật "tôi" ở cuối văn bản thứ hai giúp em hiểu gi thêm về câu tục ngữ Chim trời cá nước, ai được nấy ăn?-HS lắng nghe và tiếp nhận nhiệm vụ.\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập-HS làm việc cá nhân.-GV quan sát\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- HS trình bày sản phẩm- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.**NV2: Bài học rút ra những lưu ý khi đọc và sử dụng tục ngữ.**\* GV chuyển giao nhiệm vụĐọc văn bản Nàng Bân, "Chim trời, cá nước..." - xưa và nay, em rút ra được những lưu ý gì khi đọc hiểu và sử dụng tục ngữ?- HS lắng nghe và tiếp nhận nhiệm vụ.\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- HS làm việc cá nhân.- GV quan sát \* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- HS trình bày sản phẩm- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | ***1. Mối quan hệ giữa tục ngữ và sáng tác văn chương.***- Nhân dân ta đã mượn hình ảnh nàng Bân may áo rét cho chồng để nói về cái rét. Đó là cái rét cuối cùng của mùa đông xảy ra vào tháng 3, khi mà thời tiết đột nhiên trở lạnh ngay giữa những ngày nắng liên tiếp.- Câu Chim trời cá nước, ai được nấy ăn được hiểu theo nghĩa là của cải thiên nhiên ban tặng không của riêng ai, sự chiếm hữu là không hạn chế.=> Tác dụng: tăng sự thuyết phục về một nhận thức của con người.***2. Những lưu ý khi đọc và sử dụng tục ngữ.***- Cần sử dụng đúng ngữ cảnh, đúng ý nghĩa về câu chuyện được nói đến trong văn bản. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  | **Sản phẩm dự kiến** |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụTìm một số câu tục ngữ được sử dụng trong tác phẩm văn chương.\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- HS suy nghĩ,trả lời.- GV quan sát, hỗ trợ.\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV tổ chức hoạt động.- Chia sẻ, lắng nghe.\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV nhận xét, khen ngợi, bình điểm HS thực hiện tốt yêu cầu luyện tập. | Một số câu tục ngữ được sử dụng trong tác phẩm văn chương:* “Bảy nổi ba chìm với nước non” (Bánh trôi nước).
* “Đừng xanh như lá bạc như vôi” (Mời trầu).
* “Cố đấm ăn xôi xôi lại hẩm” (Làm lẽ).
* ...
 |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  | **Sản phẩm dự kiến** |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ\* Viết đoạn văn theo chủ đề tự chọn trong đó sử dụng một câu tục ngữ trong bài học.\* HS thực hiện nhiệm vụ học tậpHS suy nghĩ,trả lời.- GV quan sát, hỗ trợ.\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV tổ chức hoạt động.- Chia sẻ, lắng nghe.\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV nhận xét, khen ngợi nhóm hoàn thành tốt. | HS viết đoạn văn đúng hình thức, nội dung. |

**\* Hướng dẫn tự học:**

***- Bài vừa học:***

 Nắm nội dung kết nối chủ điểm tục ngữ.

***- Bài sắp học:*** Thực hành tiếng Việt trang 35

+ Tìm hiểu đặc điểm và chức năng của thành ngữ và tục ngữ; đặc điểm và tác dụng của các biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh.

+ Đặt câu có sử dụng thành ngữ.

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

 **(Tiết: 91, 92)**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  | **Sản phẩm dự kiến** |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụGV trình chiếu 10 câu ví dụ, yêu cầu HS tìm ra được những câu tục ngữ có trong những ví dụ đó, mỗi bạn tìm 1 câu và hỏi thêm HS về ý nghĩa của câu tục ngữ đó:

|  |  |
| --- | --- |
| *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây* | *Mẹ tròn con vuông* |
| *Cái nết đánh chết cái đẹp* | *Đi một ngày đàng học một sàng khôn* |
| *Treo đầu dê bán thịt chó* | *Đói cho sạch, rách cho thơm* |
| *Nhắm mắt xuôi tay* | *Một nắng hai sương* |
| *Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng* | *Nước đổ lá khoai* |

\* HS thực hiện nhiệm vụ học tậpHS quan sát và tìm nhanh câu tục ngữ.\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.+ GV gọi lần lượt các HS tìm tục ngữ, mỗi bạn tìm đúng được nhận một ngôi sao may mắn.+ HS trả lời\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tậpGV nhận xét, dẫn dắt vào bài học mới*: Qua trò chơi nhỏ vừa rồi, cô nhận thấy các em đã nắm vững được kiến thức về tục ngữ của tiết học trước. Các em đã nhanh chóng tìm ra được những câu tục ngữ. Những ví dụ còn lại không phải là tục ngữ nhưng chúng ta cũng rất hay dùng trong cuộc sống. Những ví dụ đó ta gọi là thành ngữ. Vậy thành ngữ là gì, có đặc điểm và chức năng như thế nào? Cô trò chúng ta cùng tìm hiểu trong tiết học hôm nay nhé!* | Câu trả lời của học sinh. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\*Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu thành ngữ**\* GV chuyển giao nhiệm vụ- **GV** yêu cầu HS ngồi theo vị trí nhóm, phát phiếu học tập, hướng dẫn cách thức thực hiện và quy định thời gian và cách trình bày.- **HS** tập trung lắng nghe GV hướng dẫn.\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- Tiến hành phân chia nhiệm vụ thực hiện để hoàn thành PHT. - GV theo dõi, quan sát và gợi mở (nếu cần).\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**GV**:- Cho 1 nhóm xung phong trình bày.- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).- Gọi thêm 1 nhóm trình bày.**HS**:- Trình bày kết quả làm việc nhóm- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. - HS ghi nhận kiến thức vào vở.**\*Nhiệm vụ 2: Thực hành với ngữ liệu của bài tập số 5 SGK**\* GV chuyển giao nhiệm vụ- **GV** yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân để thực hiện lần lượt các nhiệm vụ sau:Cho ví dụ: ***“Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng******Ngày tháng mười chưa cười đã tối.”***+ Đây là thành ngữ hay tục ngữ? Có ý nghĩa gì?+ Câu tục ngữ có điều gì phi thực tế?- **HS** tập trung lắng nghe GV đưa ra nhiệm vụ.\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- Suy nghĩ và dự kiến câu trả lời. - GV cho thời gian suy nghĩ, theo dõi, quan sát HS và gợi mở (nếu cần).\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**GV**:- Gọi 1 HS trả lời cho câu hỏi thứ nhất.- Gọi thêm 1 HS để trả lời cho câu hỏi thứ hai.**HS**:- Trình bày suy nghĩ cá nhân.- Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- Nhận xét về tinh thần và câu trả lời của HS.- GV đánh giá điểm số và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo: *Đó là do nhân dân ta đã sử dụng một biện pháp tu từ làm cho câu nói giàu hình ảnh và ấn tượng hơn. Đó là biện pháp tu từ gì, các em cùng tìm hiểu thêm qua các ví dụ sau:***Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu biện pháp Nói quá**\* GV chuyển giao nhiệm vụ- **GV** cho 5 câu thành ngữ nhưng mỗi thành ngữ còn khuyết 1 từ:***1/lớn nhanh như…….******2/đi………. trong bụng******3/mình đồng da ……******4/một bước lên ……..******5/ vắt……..lên cổ****+ Em hãy tìm từ còn thiếu trong mỗi câu thành ngữ.**+ Những thành ngữ này có gì giống nhau về cách thể hiện nội dung?*- **HS** tập trung lắng nghe GV giao nhiệm vụ.\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- HS nhận nhiệm vụ, suy nghĩ, dự kiến câu trả lời. - GV theo dõi, quan sát HS và gợi mở (nếu cần).\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**GV**:- Gọi HS trình bày.- Gọi HS khác nhận xét, bổ sung.**HS**:- Trình bày suy nghĩ cá nhân.- Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- Nhận xét tinh thần và câu trả lời của HS.- GV chốt kiến thức. - HS ghi nhận kiến thức vào vở.**\*Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu biện pháp Nói giảm nói tránh**\* GV chuyển giao nhiệm vụ- **GV** cho ví dụ: “*Chẳng ai muốn thấy một “cao thủ dế” qua đời bằng cách đó.”*+ Trong câu trên từ “*qua đời*” được dùng thay thế cho từ nào?+ Việc dùng từ “*qua đời*” có tác dụng gì?- **HS** tập trung lắng nghe GV giao nhiệm vụ**.**\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- HS suy nghĩ cá nhân, dự kiến câu trả lời. - GV cho thời gian suy nghĩ, theo dõi, quan sát HS và gợi ý (nếu cần).\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**GV**:- Gọi HS trả lời, gợi mở (nếu cần).- Gọi HS khác nhận xét, bổ sung.**HS**:- Trình bày suy nghĩ cá nhân- Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV nhận xét và chốt kiến thức. - HS ghi nhận kiến thức vào vở. | **\*Thành ngữ :**- Khái niệm: Là một tập hợp từ cố định quen dùng.VD: *Chậm như rùa, nhanh như cắt, đen như cột nhà cháy,..*- Chức năng: làm cho lời nói, câu văn trở nên giàu hình ảnh, cảm xúc (là 1 bộ phận của câu).**\*Nói quá:**- Khái niệm: là biện pháp phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả nhằm nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm cho sự diễn đạt.*VD: Tát cạn biển Đông.***\*Nói giảm nói tránh**- Khái niệm: là biện pháp dùng cách diễn đạt tế nhị, tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề, tránh thô tục, thiếu lịch sự.VD:+ Sử dụng những từ đồng nghĩa, gần nghĩa: *qua đời, mất, ra đi, từ trần,..*+ Sử dụng cách nói đối lập: *Bạn ấy không được cao; Bạn ấy hát chưa hay;…*+ Sử dụng cách nói hàm ý: A: Bạn Nam học Toán giỏi không?B: *Mình thấy trong các môn thì bạn ấy học văn rất tốt, rất có khiếu văn chương.* |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\*Nhiệm vụ 1: HS làm bài tập 1.** \* GV chuyển giao nhiệm vụ- GV phát phiếu bài tập- yêu cầu học sinh hoạt động nhóm đôi, làm bài tập vào phiếu bài tập trong 5 phút, sau đó thống nhất và chia sẻ.Xác định thành ngữ trong các câu sau, cho biết thành ngữ đó là thành phần nào của câu và nêu tác dụng của thành ngữ tìm được.a) *Được mười điểm kiểm tra môn Toán, nó vui như Tết.*b) *Vì không có nhiều thời gian nên chúng tôi cũng chỉ cưỡi ngựa xem hoa thôi.* c) *Khi tối lửa tắt đèn, họ luôn giúp đỡ lẫn nhau.**PHIẾU BÀI TẬP*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Câu*** | ***Thành ngữ*** | ***Thuộc thành phần*** | ***Tác dụng/******Ý nghĩa*** |
| a) |  |  |  |
| b) |  |  |  |
| c) |  |  |  |

\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- HS hoạt động cặp đôi làm bài tập vào phiếu bài tập trong 5 phút, sau đó đổi bài và chấm chéo, đại diện chia sẻ.\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**GV**:- Yêu cầu HS lên trình bày.- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).**HS**:- Trình bày kết quả làm việc nhóm đôi- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.- Gv sửa chữa, đánh giá điểm số cho nhóm có sản phẩm tốt nhất, chốt kiến thức.**\*Nhiệm vụ 2: HS làm bài tập 4+7**\* GV chuyển giao nhiệm vụGV yêu cầu HS thực hiện BT 4 và 7 trên giấy cá nhân trong 10 phút sau đó nộp cho GV.\* HS thực hiện nhiệm vụ học tậpHs hoạt động cá nhân làm bài tập vào giấy cá nhân.\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**GV**:Yêu cầu HS nộp bài.**HS**:Nộp bài cho GV.\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV nhận xét thái độ làm bài của HS.- GV sửa chữa, đánh giá vào tiết học sau.**\*Nhiệm vụ 3: Thực hành BT số 6 SGK**\* GV chuyển giao nhiệm vụ**GV** gọi HS đọc yêu cầu BT số 6.\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- HS đọc, suy nghĩ, dự kiến câu trả lời.- GV cho thời gian suy nghĩ, theo dõi, quan sát HS và gợi ý (nếu cần).\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**GV**:- Gọi HS trả lời, gợi mở (nếu cần).- Gọi HS khác nhận xét, bổ sung.**HS**:- Trình bày suy nghĩ cá nhân- Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV nhận xét và chốt kiến thức.- HS lắng nghe và ghi nhớ. | **Bài tập 1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Câu*** | ***Thành ngữ*** | ***Thuộc thành phần*** | ***Tác dụng/******Ý nghĩa*** |
| a) | Vui như Tết | Vị ngữ | Cảnh vui vẻ, tưng bừng, nhộn nhịp |
| b) | Cưỡi ngựa xem hoa | Vị ngữ | Làm một việc qua loa, đại khái, không tìm hiểu kĩ |
| c) | Tối lửa tắt đèn | Trạng ngữ | Chỉ những lúc khó khan, hoạn nạn |

***Bài tập 4:***HS đặt câu có sử dụng các thành ngữ: *nước đổ đầu vịt, như hai giọt nước, trắng như tuyết.*Yêu cầu: HS viết đúng cấu trúc câu, có gạch chân thành ngữ được sử dụng. ***Bài tập 7:*** - Hình ảnh so sánh:*+ Vươn cổ dài như tàu bay cổ ngỗng lướt qua trên song**+ Tiếng chim kêu náo động như tiếng xóc những rổ tiền đồng**+ Cồng cộc đứng trong tổ vươn cánh như tượng những người vũ nữ bằng đồng đen đang vươn tay múa.**+ Chim già đãy, đầu hói như những ông thầy tu mặc áo xám**+ Nhiều con chim rất lạ, to như con ngỗng đậu đến quằn nhành cây.*- Tác dụng: Với những hình ảnh so sánh làm cho đối tượng được miêu tả trở nên cụ thể, chi tiết và sinh động hơn, góp phần vẽ nên một khung cảnh đất rừng phương Nam hoang dã, náo nhiệt bởi sự phong phú của các loài sinh vật nơi đây.**Bài tập 6**: Cách diễn đạt “về với thượng đế chí nhân” là sử dụng biện pháp tu từ nói giảm nói tránh để thay thế cho cái chết. Với cách diễn đạt này khiến cho câu văn trở nên nhẹ nhàng, bình thản hơn qua đó bộc lộ được tình cảm yêu quí của người cháu dành cho người bà thân thương của mình. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  | **Sản phẩm dự kiến** |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụGV tổ chức trò chơi: “Anh xanh em đỏ”**Luật chơi:*** Mỗi em được phát một tấm thẻ màu đỏ và một tấm thẻ màu xanh.
* GV đọc lần lượt các ví dụ có trong BT 3, nếu là tục ngữ thì HS giơ thẻ màu đỏ, nếu ví dụ là thành ngữ thì HS giờ thẻ màu xanh.
* Em nào giơ thẻ đúng hết các ví dụ thì chiến thắng.
* Em nào có lượt sai thì đứng lên bục và chịu hình phạt của những bạn chiến thắng.

\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV** đọc lần lượt các ví dụ.**- HS** lắng nghe GV đọc ví dụ.\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**GV**: Yêu cầu HS giơ thẻ**HS**: Giơ thẻ cá nhân**GV**: Công bố đáp án và gọi những HS giơ thẻ sai lên bục.**HS**: làm theo chỉ dẫn của GV.\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- HS: những bạn chọn sai chịu hình phạt của những bạn chiến thắng.- GV nhận xét thái độ tham gia trò chơi, đánh giá kết quả và yêu cầu HS về nhà sưu tầm thêm tục ngữ và thành ngữ ghi vào tấm thẻ màu phù hợp, tiết sau sẽ gọi báo cáo. | Phần trình bày của học sinh. |

**\* Hướng dẫn tự học:**

***- Bài vừa học:***

+ Nhận biết được đặc điểm và chức năng của thành ngữ, tục ngữ.

+ Nhận biết được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh.

+ Sử dụng thành ngữ, tục ngữ phù hợp với văn cảnh.

+ Nắm kiến thức đã luyện tập.

***- Bài sắp học:*** Đọc mở rộng theo thể loại: Những kinh nghiệm dân gian về con người và xã hội.

+ Tìm hiểu một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ, vần.

+ Tìm hiểu chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.

**ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI:**

**NHỮNG KINH NGHIỆM DÂN GIAN VỀ CON NGƯỜI VÀ XÃ HỘI**

**(Tiết: 93)**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  | **Sản phẩm dự kiến** |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụGV tổ chức trò chơi “Đố vui”. Đội nào trả lời đúng và nhiều câu nhất sẽ là đội chiến thắng.\*Tìm và đọc các câu tục ngữ liên quan đến con người hoặc xã hội mà em đã biết, giải nghĩa sơ lược?- HS tiếp nhận nhiệm vụ.\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- HS lắng nghe, quan sát\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV tổ chức hoạt động- HS tham gia trò chơi.\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập | - Gợi ý+ Có công mài sắt, có ngày nên kim.+ Một mặt người bằng mười mặt của.+ Người ta là hoa đất.+ Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.…… |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  | **Sản phẩm dự kiến** |
|  **I.Trải nghiệm cùng văn bản** |
|  **Hướng dẫn học sinh đọc, tìm hiểu chú thích.** \* GV chuyển giao nhiệm vụ- GV chuyển giao nhiệm vụ+ GV hướng dẫn cách đọc( yêu cầu học sinh đọc trước khi đến lớp)+ GV đọc mẫu thành tiếng hai câu tục ngữ đầu, sau đó học sinh thay nhau đọc thành tiếng toàn văn bản.+ GV tổ chức cuộc thi ô chữ bí mật. HS sẽ lần lượt chọn các ô chữ, mỗi ô là một từ khóa là những chú thích. Chọn đúng từ khóa nào thì học sinh sẽ giải thích nghĩa của từ khóa đó.- HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ.\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- HS làm việc cá nhân, tham gia trò chơi.- GV quan sát\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- HS trình bày sản phẩm- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Đọc** - HS biết cách đọc thầm, biết cách đọc to, trôi chảy, phù hợp với tốc độ đọc.**2. Chú thích** - Không tày- Sóng cả- Ngã |
|  **II. Suy ngẫm và phản hồi** |
| **NV1: Tìm hiểu đặc điểm nghệ thuật của tục ngữ.** \* GV chuyển giao nhiệm vụ- GV chuyển giao nhiệm vụ\* HS hoàn thành phiếu học tâp số 1,2,3 để tìm hiểu văn bản; HS làm việc theo nhóm.- HS lắng nghe và tiếp nhận nhiệm vụ.\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- HS làm việc theo nhóm.- GV quan sát\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- HS trình bày sản phẩm- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.**NV2: Bài học rút ra những lưu ý khi đọc và sử dụng tục ngữ.**\* GV chuyển giao nhiệm vụ- Khi đọc tục ngữ và sử dụng tục ngữ, chúng ta cần những lưu ý nào?- HS lắng nghe và tiếp nhận nhiệm vụ.\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- HS làm việc cá nhân.- GV quan sát\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- HS trình bày sản phẩm- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.**NV3:Nội dung của những câu tục ngữ về con người và xã hội.** \* GV chuyển giao nhiệm vụKhái quát nội dung của các câu tục ngữ về con người và xã hội?- HS lắng nghe và tiếp nhận nhiệm vụ.\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- HS làm việc cá nhân.- GV quan sát\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- HS trình bày sản phẩm- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Đặc điểm nghệ thuật của tục ngữ.** **a. Số chữ, số dòng, vế câu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Câu tục ngữ | Số chữ | Số dòng | Số vế |
| 1 | 4 | 1 | 2 |
| 6 | 8 | 1 | 2 |
| 8 | 8 | 1 | 2 |
| 9 | 8 | 2 | 2 |

**b. Hiệp vần, loại vần**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu tục ngữ | Cặp vần | Loại vần |
| 3 | Thầy-mày | Vần cách |
| 4 | Thầy -tày | Vần cách |
| 5 | Cả-ngã | Vần cách |
| 7 | Non-hòn | Vần cách |
| 8 | Bạn-cạn | Vần cách |

**c.Biện pháp tu từ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Từ ngữ | Biện pháp tu từ | Tác dụng |
| “Ăn quả” | Hưởng thành quả( ẩn dụ) | Làm cho các câu tục ngữ giàu hình ảnh, giàu sức biểu cảm. |
| “Nhớ kẻ trồng cây” | Biết ơn những người đã tạo ra thành quả(ẩn dụ) |
| “Sóng cả” | Khó khăn, thử thách(ẩn dụ) |
| “Ngã tay chèo” | Buông xuôi, không tiếp tục nữa(ẩn dụ) |
| “Mài sắt”“Nên kim” | - Kiên trì, nổ lực vượt qua khó khăn thử thách(ẩn dụ)- Đạt được thành quả (ẩn dụ) |

**2. Những lưu ý khi đọc và sử dụng tục ngữ**- Xác định số dòng, số chữ, vần, cấu trúc các vế trong các câu tục ngữ.- Xác định nghĩa của những từ ngữ mới, khó hiểu.- Chú ý những từ ngữ, hình ảnh độc đáo.- Tìm và phân tích hiệu quả của những biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản (nếu có).**3. Nội dung của những câu tục ngữ về con người và xã hội.**- Thể hiện truyền thống tôn vinh giá trị con người: đạo lí, lẽ sống, nhân văn,…- Tục ngữ còn là những bài học, những lời khuyên về cách ứng xử cho con người ở nhiều lĩnh vực: đấu tranh xã hội, quan hệ xã hội. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  | **Sản phẩm dự kiến** |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụTrình bày cảm nhận của em về một trong số các câu tục ngữ mà em vừa học một cách ngắn gọn?- HS lắng nghe và tiếp nhận nhiệm vụ.\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- HS làm việc cá nhân.- GV quan sát\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- HS trình bày sản phẩm- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV nhận xét, ngợi khen câu trả lời đúng của HS.- GV bình điểm cho HS thực hiện tốt bài tập. | Một đoạn văn nêu đủ nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của một câu tục ngữ. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  | **Sản phẩm dự kiến** |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụHãy tìm một tình huống mà em có thể vận dụng một câu tục ngữ về con người và xã hội trong bài cho hợp lí?\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- HS suy nghĩ,trả lời.- GV quan sát, hỗ trợ.\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV tổ chức hoạt động.- Chia sẻ, lắng nghe.\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV nhận xét, ngợi khen câu trả lời đúng của HS.- GV bình điểm cho HS thực hiện tốt bài tập. | - Ông cha ta luôn nhắc nhở con cháu sống theo đạo lý “ Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”.- Dù hoàn cảnh sống có nhiều khó khăn thì mỗi người vẫn phải luôn tự nhắc nhở mình “Đói cho sạch, rách cho thơm”. |

**\* Hướng dẫn tự học:**

***- Bài vừa học:***

+ Nắm một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ, vần.

+ Chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.

***- Bài sắp học:*** Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống

+ Tìm hiểu vấn đề và ý kiến trong bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

+ Tìm hiểu lí lẽ và dẫn chứng trong bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

**B. DẠY VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

**(Tiết: 94, 95)**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  | **Sản phẩm dự kiến** |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụGV: Hãy nêu ra một số câu tục ngữ hoặc danh ngôn bàn về một vấn đề trong cuộc sống mà em đã từng đọc qua hoặc yêu thích. \* HS thực hiện nhiệm vụ học tậpHS suy nghĩ, đưa ra đáp án. \* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tậpHS khác nhận xét. \* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tậpGV nhận xét, dẫn dắt vào bài mới:Em đã được học kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống ở bài hành trình tri thức. Trong bài học này, em tiếp tục sử dụng kĩ năng đó để viết một bài văn nghị luận trình bày ý kiến của em về một câu tục ngữ hoặc một câu danh ngôn bàn về một vấn đề trong đời sống.  | Suy nghĩ của HS |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  | **Sản phẩm dự kiến** |
| **TÌM HIỂU CÁC BƯỚC ĐỐI VỚI BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT CÂU TỤC NGỮ HOẶC DANH NGÔN BÀN VỀ VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG** |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ- GV cho HS thảo luận cặp đôi (5’): Đọc và trao đổi, tìm hiểu các bước được gợi ý trong SGK. - GV cho các nhóm HS lần lượt thuyết trình về các bước làm bài. GV có thể yêu cầu HS lấy ví dụ (nếu cần thiết). \* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- HS thực hiện nhiệm vụ. \* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- HS báo cáo kết quả theo yêu cầu của GV.- Nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có). \* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV nhận xét, tổng hợp lại kiến thức. | **\* Quy trình viết**Nội dung trang 37, 38, 39 SGK |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  | **Sản phẩm dự kiến** |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ- GV cho HS làm việc cá nhân viết bài văn nghị luận về một câu tục ngữ, danh ngôn bàn về một vấn đề trong đời sống.- Sau khi HS đọc, GV chiếu bài làm của HS lên cho HS khác nhận xét. \* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- HS viết bài. - HS tự đối chiếu bảng kiểm để kiểm tra bài làm của mình. \* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- HS lần lượt đọc bài viết.- HS khác lắng nghe, sử dụng bảng kiểm để đánh giá bài làm của bạn. \* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tậpGV nhận xét, đánh giá. | ***Đề bài:*** *Viết bài văn nghị luận về một câu tục ngữ, danh ngôn bàn về một vấn đề trong đời sống.*\* Tham khảo: ***Mở bài:*** Trong cuộc sống, con người ta đều có những thành công đạt được và những ước mơ muốn vươn tới. Và để thực hiện được điều đó thì ta phải có lòng kiên trì, bền bỉ, nỗ lực. Chính vì vậy ông cha ta đã có câu: “Có công mài sắt, có ngày nên kim” để động viên, khích lệ hay nói một cách khác là khuyên răn con cháu, dạy bảo những kinh nghiệm trong đời thường, cuộc sống. Câu tục ngữ được chia làm hai vế, mỗi vế có 4 từ. Hai vế này có hai cặp từ tương ứng với nhau: “Có công – có ngày; mài sắt – nên kim”. Một vế chỉ sự nỗ lực, một vế chỉ thành quả đạt được.***Thân bài***Cây kim tuy nhỏ nhưng nó rất có ích, tròn trịa, trơn bóng, sắc nét. Để mài được một cây kim như vậy thì thật là khó. Câu tục ngữ này mượn hình ảnh cây kim để nói lên được phẩm chất cao quý truyền thống của dân tộc Việt Nam từ hàng nghìn đời nay. Từ những việc nhỏ như quét nhà, nấu cơm đến những việc lớn như xây dựng đất nước, chống giặc ngoại xâm.Những thành tựu hiện nay mà ông cha ta đạt được đã minh chứng cho điều đó. Những tháp chùa cổ kính có giá trị, một số công trình nghệ thuật nổi tiếng như tháp Chương Sơn, chuông chùa Trùng Quang… với những đường nét hoa văn thanh thoát, mạnh mẽ, thể hiện tinh thần thượng võ, yêu nước. Và một thành tựu lớn nhất của ông cha ta đó chính là xây dựng nên được một quốc gia văn minh, nhân dân đồng lòng, đất nước yên bình. Công cuộc dựng, giữ, phát huy, đổi mới đất nước đó đã thể hiện được sự bền bỉ, chịu thương chịu khó, sự sáng tạo, lao động kiên cường của ông cha ta. Trong lao động sản xuất, nhân dân ta cũng đã có những việc làm và kết quả đạt được để khẳng định ý nghĩa của câu tục ngữ trên là hoàn toàn đúng.Từ xưa tới giờ, đất nước ta đã gặp phải những khó khăn rất lớn, từ những thảm hoạ thiên nhiên như lụt lội, bão bùng đến những cuộc chiến tranh do con người tạo ra nhưng nhờ sự cố gắng, chịu đựng, vượt khó mà chúng ta đã khắc phục được những trở ngại đó. Và trong học tập thì điều đó lại càng được khẳng định rõ nét hơn. Những em bé chập chững bước vào lớp một, tập toẹ đánh vần, viết chữ đến những năm tháng tiếp theo lên lớp, phải kiên trì cần cù mới mong đạt được kết quả tốt trên con đường học tập của mình.Trong đường đời cũng vậy, những danh nhân, thương gia, thi sĩ, nhà nho, nhà văn nổi tiếng cũng từng phải vất vả, hi sinh, sử dụng những kiến thức mình có nhưng không thể thiếu đi và phải luôn gắn liền với sự kiên trì, chuyên cần, sáng tạo mới có thể thành đạt.Những tấm gương chăm học, những tấm gương chịu khó như Bác Hồ là một điển hình rõ nét nhất. Bác đã phải vất vả làm việc, chịu khó học tiếng nước ngoài, đi bôn ba khắp nơi để tìm đường cứu nước. Thật hiếm ai như vậy! Và cũng nhờ những sự nỗ lực đó mà đất nước ta mới được tự hào về một danh nhân, một vị lãnh tụ vĩ đại nổi tiếng mà khắp năm, châu bốn bể đều biết tới.***Kết bài***Câu tục ngữ trên với hình thức ngôn từ dân dã nhưng thật ngắn gọn súc tích, bao hàm những ý nghĩa sâu xa. Đó chính là những đúc kết lâu đời trong quá trình lao động, kinh nghiệm chiến đấu, sản xuất và cả trong đời thường cuộc sống của ông cha ta. Nó như một bài học quý báu, một thông điệp hữu dụng, một lời dạy chân tình rằng: “Hãy biết tu dưỡng, rèn luyện những đức tính, phẩm chất kiên trì, nhẫn nại, chịu khó, cần cù, sáng tạo, kết hợp với khả năng vốn có của bản thân để làm nên một sức mạnh vô địch vượt mọi gian truân, vất vả trong cuộc sống, những trở ngại éo le nhất mà đi tới thành công, thắng lợi”. Nào chúng ta hãy bắt đầu bằng những việc nhỏ nhất như học tập chăm chỉ, lao động cần cù để trở thành con ngoan trò giỏi, trở thành chủ nhân tương lai của đất nước nhé! |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  | **Sản phẩm dự kiến** |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ- GV nêu yêu cầu: Viết bài văn nghị luận (khoảng 700 chữ) bàn về câu nói của nhà văn Nga Maksim Gorky: “*Nơi lạnh nhất không phải là Bắc Cực mà là nơi thiếu vắng tình thương*”- GV phân công nhóm HS nhận xét bài làm của nhau. \* HS thực hiện nhiệm vụ học tậpHS viết bài ở nhà, gởi bài làm lên nhóm học tập cho các HS khác nhận xét. \* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tậpHS khác nhận xét theo sự phân công của GV.\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tậpGV nhận xét, đánh giá. | Bài làm của HS. |

**\* Hướng dẫn tự học:**

***- Bài vừa học:* Nắm được**

+ Kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề (câu tục ngữ, danh ngôn…) trong đời sống.

+ Vấn đề và ý kiến trong bài văn nghị luận về một vấn đề (câu tục ngữ, danh ngôn…) trong đời sống.

+ Lí lẽ và dẫn chứng trong bài văn nghị luận về một vấn đề (câu tục ngữ, danh ngôn…) trong đời sống.

***- Bài sắp học:*** Trao đổi một cách xây dựng tôn trọng các ý kiến khác biệt

+ Trong buổi thảo luận, em đã từng bắt gặp những trường hợp nào khiến cho cuộc thảo luận rơi vào thất bại?

+ Cần lưu ý những gì khi chia sẻ ý kiến của mình và tiếp nhận ý kiến của người khác.

**C. DẠY NÓI VÀ NGHE**

**TRAO ĐỔI MỘT CÁCH XÂY DỰNG VÀ TÔN TRỌNG CÁC Ý KIẾN KHÁC BIỆT**

**(Tiết: 96)**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  | **Sản phẩm dự kiến** |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ*GV nêu câu hỏi phỏng vấn: Trong buổi thảo luận, em đã từng bắt gặp những trường hợp nào khiến cho cuộc thảo luận rơi vào thất bại?*\* HS thực hiện nhiệm vụ học tậpHS suy nghĩ nhanh và chuẩn bị câu trả lời.\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập+ GV gọi liên tiếp nhiều hs bất kì trả lời nhanh câu hỏi+ HS trình bày suy nghĩ cá nhân.+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tậpGV nhận xét, dẫn dắt vào bài học mới*: Các ý kiến mà các em vừa nêu quả thật là những vấn đề thực tế mà chúng ta đang gặp phải cho bất kì cuộc bàn luận, trao đổi. Chúng ta đã nhìn ra được vấn đề và điều bây giờ ta cần làm là tìm những giải pháp để khắc phục những vấn đề đó. Để làm được điều đó hôm nay cô trò chúng ta cùng thực hành một buổi trao đổi, thảo luận với một chủ đề cụ thể nhé!* | *Dự kiến câu trả lời: Các bạn không tích cực vào cuộc thảo luận mà làm việc riêng; Phân công công việc không hợp lí, các bạn tranh cãi dẫn đến xích mích,…* |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  | **Sản phẩm dự kiến** |
|  **1. Chuẩn bị bài nói** |
| **Hoạt động cá nhân 7 phút**\* GV chuyển giao nhiệm vụ- GV yêu cầu HS ngồi theo vị trí nhóm.- GV phát PHT số 1.

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** |
| **Ý kiến của tôi** | **Lí do** |
|  |  |
|  |  |

- GV yêu cầu HS đọc nội dung sách giáo khoa đến hết trang 39 và thực hiện PHT số 1. \* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- HS tiến hành đọc SGK.- Hoàn thành PHT số 1 của cá nhân.- GV theo dõi, quan sát và gợi ý.\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập+ GV gọi một vài HS trình bày PHT số 1.+ HS trình bày sản phẩm.+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập+ GV nhận xét, bổ sung.+ HS tự điều chỉnh sản phẩm của cá nhân.**Hoạt động nhóm 8 phút theo hình thức khăn trải bàn**\* GV chuyển giao nhiệm vụ- GV phát PHT số 2 và hướng dẫn HS cách thực hiện.**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Ngoài những cách để thể hiện ý kiến và phản hồi, tiếp thu ý kiến mà sgk đã gợi ý thì theo em còn cách nói nào hay hơn?** |

- GV yêu cầu HS đọc nội dung sách giáo khoa đến hết trang 40 và thực hiện PHT số 2. \* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- HS tiến hành đọc SGK.- Hoàn thành PHT số 2 bằng cách mỗi thành viên của nhóm sẽ ghi ý kiến cá nhân vào một ô vị trí sau đó chuyền cho HS kế tiếp, lần lượt đến hết nhóm.- GV theo dõi, quan sát và gợi ý.\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập+ GV cho các nhóm trình bày theo tinh thần xung phong.+ HS trình bày sản phẩm.+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung.\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập+ GV nhận xét, bổ sung.+ HS tự điều chỉnh sản phẩm của nhóm. | **Chủ đề trao đổi:** Trao đổi ý kiến về hai câu tục ngữ: “*Một giọt máu đào hơn ao nước lã”, “Bán anh em xa mua láng giềng gần”.*- GV ghi một số ý kiến tiêu biểu của HS lên bảng.- GV ghi một số ý kiến tiêu biểu của HS lên bảng. |
|  **2. Thực hành**  |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ- GV chia lớp luyện nói theo nhóm. GV chia lớp thành 2 đội, mỗi đội 2 dãy lớp tiến hành trao đổi, thảo luận. Nhắc HS nhìn vào bảng kiểm trong SGK để tăng hiệu quả của luyện tập.- HS tiếp nhận nhiệm vụ.\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập+ HS luyện nói+ HS thực hiện đánh giá theo phiếu.+ GV lắng nghe, quan sát và ghi nhận HS trình bày.\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập+ GV cho các nhóm trình bày theo tinh thần xung phong.+ HS trình bày sản phẩm.+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung.\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập+ HS tự đánh giá theo bảng kiểm.+ Cho HS tự bình chọn nhóm có phần trao đổi tốt nhất.+ GV nhận xét, đánh giá điểm số. | Ý kiến và sự tiếp thu phản hồi ý kiến của HS. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  | **Sản phẩm dự kiến** |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ- GV đặt câu hỏi: *Qua buổi thảo luận vừa rồi, em rút ra được những kinh nghiệm gì trong quá trình thảo luận, trao đổi?*- HS lắng nghe và tiếp nhận câu hỏi.\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập+ HS suy nghĩ cá nhân.+ GV quan sát, gợi mở.\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập+ HS trình bày suy nghĩ cá nhân.+ GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại vấn đề | Câu trả lời của HS. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  | **Sản phẩm dự kiến** |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụYêu cầu HS trao đổi về chủ đề “việc chơi game của học sinh hiện nay” với phụ huynh.\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- HS thực hiện cá nhân.\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- HS trình bày.\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- HS các nhóm nhận xét với nhau.- GV nhận xét, khen ngợi nhóm hoàn thành tốt.- HS có thể thực hiện ở nhà, GV kiểm tra kết quả ở tiết sau. | Phiếu nộp sản phẩm thực hiện ở nhà. |

**\* Hướng dẫn tự học:**

***- Bài vừa học:***

 Nắm cách trình bày xây dựng và tôn trọng các ý kiến khác biệt.

***- Bài sắp học:*** Ôn tập

 Hệ thống các nội dung đã học trong chủ đề.

**ÔN TẬP (SGK/41)**

 **(Tiết: 97)**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  | **Sản phẩm dự kiến** |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh nhất”: Em hãy quan sát hình ảnh và cho biết nội dung những câu tục ngữ tương ứng?Tại sao bão ở Việt Nam lại hay vào miền Trung? - KhoaHoc.tvSự Tích Con Chuồn Chuồn | Truyện Cổ Tích Việt NamĐBSCL sẽ là vùng trọng điểm quốc gia về nông nghiệpANd9GcTZEH-07qKOMRNMVNcQ0RrjRUsAjjIFLHMRpMSoMoPPwQujkQkoi51-_H-6Người đẹp vì lụa…ANd9GcT9wI7exPHgn2XDxK39JddvSqqf2vG89-ramrqJnzIn9xwOcXH4aElyPdqUXQ- HS tiếp nhận nhiệm vụ, bạn nào trả lời nhanh và đầy đủ nhất sẽ được điểm thưởng.\* HS thực hiện nhiệm vụ học tậpHS quan sát và tìm nhanh câu tục ngữ.\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- HS trình bày sản phẩm- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài học mới: Bài học hôm nay, chúng ta sẽ ôn tập lại các văn bản tục ngữ đã học và khắc sâu kiến thức ở những nội dung khác. | HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Nhiệm vụ 1: Củng cố tri thức về văn bản và thể loại** \* GV chuyển giao nhiệm vụ**-** Gv nêu yêu cầu HS tự khái quát lại kĩ năng đọc các văn bản- Chia lớp thành 6 nhóm, phân công nhiệm vụ cho các nhóm.+ GV trình chiếu kết hợp phát cho HS Phiếu học tập số 1

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Văn bản | Nội dung  | Thể loại |
| *Những kinh nghiệm dân gian về thời tiết* |  |  |
| *Những kinh nghiệm dân gian về lao động sản xuất* |  |  |

**Câu 2:** Hãy xác định số dòng, số chữ, các cặp vần, các vế, biện pháp tu từ trong các câu tục ngữ sau: 1. Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng
2. Ếch kêu uôm uôm, ao chuôm đầy nước
3. Én bay thấp, mưa ngập bờ ao

 Én bay cao, mưa rào lại tạnhCâu 3: Thành ngữ và tục ngữ khác nhau như thế nào?**Câu 4:** Viết 3 câu có sử dụng biện pháp nói quá và 3 câu có sử dụng biện pháp nói giảm nói tránh- HS tiếp nhận nhiệm vụ.\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- HS thực hiện nhiệm vụ.- GV quan sát, hỗ trợ.\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- HS báo cáo kết quả;- GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. **Nhiệm vụ 2: Chia sẻ kinh nghiệm khi viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một câu tục ngữ hoặc danh ngôn bàn về một vấn đề trong đời sống**\* GV chuyển giao nhiệm vụ- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm bằng kĩ thuật khăn trải bàn. Từng HS nêu hai kinh nghiệm của mình có được khi thực hành viết văn nghị luận trình bày ý kiến về một câu tục ngữ hoặc danh ngôn bàn về một vấn đề trong đời sống. HS tiếp nhận nhiệm vụ.\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- HS thực hiện nhiệm vụ.- GV quan sát, hỗ trợ.\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- HS báo cáo kết quả;- GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.**Nhiệm vụ 3: Khi trao đổi ý kiến về một vấn đề trong đời sống, em cần lưu ý những gì để có thể trao đổi một cách tôn trọng và xây dựng ý kiến khác biệt.**\* GV chuyển giao nhiệm vụGV nêu rõ yêu cầu HS xác định mục đích làm bài tập 6.- HS thảo luận cặp đôi- GV hướng dẫn HS khi cần thiết.- HS tiếp nhận nhiệm vụ.\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- HS thực hiện nhiệm vụ.\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- HS báo cáo kết quả hoạt động;- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.**Nhiệm vụ 4: Khái quát tri thức : Qua bài học em hiểu thế nào về “trí tuệ dân gian”?**\* GV chuyển giao nhiệm vụGV nêu rõ yêu cầu HS xác định mục đích làm bài tập 7.- HS tiếp nhận nhiệm vụ\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- HS thực hiện nhiệm vụ.\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- HS nêu cách hiểu của mình về “trí tuệ dân gian”- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Câu 1:** **Phiếu học tập số 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Văn bản | Nội dung  | Thể loại |
| *Những kinh nghiệm dân gian về thời tiết* | Dự báo về tinh hình thời tiết và giải thích các hiện tượng tự nhiên. | Tục ngữ |
| *Những kinh nghiệm dân gian về lao động sản xuất* | đưa ra những kinh nghiệm, bài học quý báu trong quá trình lao động sản xuất. | Tục ngữ |

**Câu 2:** Hãy xác định số dòng, số chữ, các cặp vần, các vế, biện pháp tu từ trong các câu tục ngữ sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu tục ngữ | Số dòng | Số chữ | Các cặp vần | Các vế | Biện pháp tu từ |
| a | 1 | 8 | Đen-đèn | 2 | Ẩn dụ |
| b | 1 | 8 | Uôm-chuôm | 2 |  |
| c | 2 | 14 | Ao- rào | 4 | Từ trái nghĩa |

**Câu 3:** Gợi ý:

|  |  |
| --- | --- |
| **Thành ngữ** | **Tục ngữ** |
| - Là các cụm từ cố định | - Là một câu ngắn gọn và có hoàn chỉnh về cấu tạo ngữ pháp.  |
| - Chưa diễn đạt được một ý trọn vẹn | **-** Diễn đạt được một ý, nội dung trọn vẹn hoàn chỉnh. |

**Câu 4:** HS tự đăt câu phù hợp.Sản phẩm dự kiến:**Câu 5: Gợi ý** thảo luận chia sẻ nhóm đôi.Chia sẻ kinh nghiệm mà em có được khi thực hành viết văn nghị luận trình bày ý kiến về một câu tục ngữ hoặc danh ngôn bàn về một vấn đề trong đời sống- Chuẩn bị trước nội dung thảo luận (nếu có trước câu hỏi).- Tự tin trình bày ý kiến của mình.- Nghiêm túc lắng nghe ý kiến của người khác.- Ghi lại và chia sẻ những ý kiến mình chưa rõ để được giải đáp.- Cùng thảo luận và đi đến thống nhất chung.**Câu 6: Gợi ý**-Chuẩn bị tốt nội dung trao đổi.- Cách trao đổi- Thể hiện trực tiếp, rõ ràng ý kiến về vấn đề cần trao đổi.- Đưa ra được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục.- Sử dụng ngôn ngữ và cử chỉ hợp lí.- Nghiêm túc lắng nghe ý kiến của người khác.- Bảo vệ ý kiến của mình với thái độ tôn trọng.- Tôn trọng các ý kiến khác biệt.**Câu 7: Gợi ý**Trí tuệ dân gian là kho tàng tri thức được đúc kết từ trí tuệ và kinh nghiệm sống bao đời của dân tộc. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  | **Sản phẩm dự kiến** |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ- GV gọi thêm một số HS đọc trước lớp các câu thành ngữ, tục ngữ có biện pháp nói quá, nói giảm nói tránh, các HS còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá - HS tiếp nhận nhiệm vụ.\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- HS đọc để xác định yêu cầu của bài tập.\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- GV yêu cầu HS chữa bài tập bằng cách trình bày sản phẩm của mình.- HS lên bảng chữa bài hoặc đứng tại chỗ để trình bày. HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)…\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tậpGV nhận xét bài làm của HS. | HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  | **Sản phẩm dự kiến** |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ- GV hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản mẫu cùng thể loại để khắc sâu kiến thức.- HS tiếp nhận nhiệm vụ.\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập- HS đọc văn bản\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- HS tương tác, nhận xét, đặt câu hỏi.\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tậpGV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. | HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS |

**\* Hướng dẫn tự học:**

***- Bài vừa học:***

 Nắm nội dung đã ôn tập.

***- Bài sắp học:*** NÉT ĐẸP VĂN HÓA VIỆT

+ Đọc văn bản “Trò chơi cướp cờ”

+ Tìm hiểu văn bản qua hệ thống câu hỏi “Suy ngẫm và phản hồi”.